

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 124/2022/HSST  
Ngày 10/8/2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2/ Ông Nguyễn Văn Ba.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dung.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/8/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lê Thị Mỹ A** ( Tên gọi khác: Bé hai), sinh năm 2001 tại Đồng Nai.

Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Ấp A, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: công nhân; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Họ tên cha: Lê Văn B, sinh năm 1975.

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1980.

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con lớn nhất. Bị cáo chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

**- Bị hại:**

1/ Anh Lê Chí B, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ S, Ấp A, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 2000.  
Địa chỉ: ấp BD, xã PD, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1995.  
Địa chỉ: Ấp A, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh Nguyễn Trọng L, sinh năm 1981.  
Địa chỉ: khu phố MK, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo, anh B, anh Ph có mặt tại phiên tòa; anh Th, anh L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 04/5/2021, Lê Thị Mỹ A đến tiệm xăm hình của anh Thái ở ấp A, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai và gặp anh Lê Chí B. Sau đó A mượn xe mô tô hiệu Vario biển số 69F1-587.61 của anh B để đi mua đồ ăn rồi A đem về trả cho B. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, A tiếp tục mượn xe mô tô trên để đi trả pô xe thì anh B đồng ý. Sau khi trả pô xe, trên đường về A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nên An không về tiệm trả xe cho anh B mà sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 07/5/2021, anh B đến Công an xã Tam An, huyện Long Thành tố cáo sự việc An chiếm đoạt xe. Sau khi sử dụng xe được khoảng 10 ngày thì A mang xe đến nhà của Nguyễn Trọng L, tại thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch để nhờ L bán dùm với giá 10.000.000đ. Sau khi giới thiệu người tên Bi (không rõ họ, địa chỉ) mua xe mô tô biển số 69F1-587.61 với giá 10.000.000đ, A cho L 500.000đ, số tiền còn lại A tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, A khai khi nhờ L bán xe, An có nói cho L biết đây là xe do A trộm cắp mà có. Tuy nhiên, qua làm việc và đối chất với A, L không thừa nhận. L khai A nhờ L bán dùm xe mô tô hiệu Vario biển số 69F1-587.61 vì có việc gấp, L có hỏi nguồn gốc xe thì A nói xe mua lại nhưng bị mất giấy tờ. Do tin tưởng nên L tìm người mua và gặp Bi (không rõ họ, địa chỉ), L có hỏi Bi mua xe mô tô trên thì Bi đồng ý nên L chở Bi về nhà L và Bi là người trực tiếp giao dịch mua bán với A. Quá trình điều tra, L giao nộp 500.000đ tiền công môi giới.

Ngoài ra, trước đó A còn 01 lần khác phạm tội tương tự. Cụ thể: Vào ngày 16/10/2020, A đến nhà của Nguyễn Thanh T ngụ xã PD, huyện Nhơn Trạch chơi. Đến 05 giờ 30 ngày 17/10/2020, T nhờ anh ruột là Nguyễn Thanh Ph đến chở A về nhà. Sau đó anh Ph điều khiển xe mô tô hiệu SATRIA biển số 60C2-676.79 (xe của anh Ph) đến chở A về. Khi đến ngã tư Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, do đã đến giờ vào Công ty làm việc nên anh Ph cho A mượn xe đi về và hẹn 14 giờ cùng ngày đến Công ty để đón anh Ph. A đồng ý rồi điều khiển xe về nhà của mình tại ấp A, xã P, huyện LT. Đến 10 giờ cùng ngày, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe trên của anh Ph nên A tắt nguồn điện thoại nhằm để anh T và anh Ph không liên

lạc được. Khoảng 17 giờ cùng ngày, A gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng Th ngụ tại ấp A, xã TA, huyện LT, A nói với Th là An lấy được xe mô tô của bạn giờ bán với giá 5.000.000đ, Th nói A đưa xe đến phòng trọ của Th để xem xe. A điều khiển xe tới phòng trọ của Th bán với giá 5.000.000đ, Th đưa trước cho A 3.000.000đ và A đã tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra, Th khai thỏa thuận với A mua xe mô tô hiệu SATRIA biển số 60C2-676.79 với giá 15.000.000đ, Th có hỏi nguồn gốc xe thì A nói xe của A nhưng 03 ngày nữa mới có giấy tờ xe để giao nên Th đưa trước cho A 3.000.000đ, đợi có giấy tờ xe sẽ trả hết. Tuy nhiên, đến hẹn không thấy A giao giấy tờ xe, nghi ngờ xe bất hợp pháp nên Th đã giao xe cho Công an xã An Phước, sau đó Công an xã An Phước lập hồ sơ chuyển đến Công an huyện Long Thành để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 74/HĐ ĐG ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô hiệu VARIO biển số 69F1-587.61 có trị giá 40.000.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 94/HĐ ĐG ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA biển số 60C2-676.79 có trị giá 35.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Ph đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Hoàng Th không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 3.000.000đ. Anh Lê Chí B yêu cầu bị cáo bồi thường 400.000.000đ là giá trị xe mô tô hiệu Vario biển số 69F1 – 587.61.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSLT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Lê Thị Mỹ A về tội danh: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điều khoản nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ A từ 03 đến 04 năm tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Lê Thị Mỹ A là người không có việc làm, thu nhập. Lúc 16 giờ ngày 04/5/2021, Lê Thị Mỹ A mượn xe mô tô hiệu Vario biển số 69F1-587.61 của anh Lê Chí B để đi công việc. Sau đó, A nảy sinh ý định chiếm đoạt nên không trả lại xe cho anh B. 10 ngày sau, A đã tìm cách bán xe cho một người tên Bi (không rõ họ, địa chỉ) để

lấy 10.000.000đ tiêu xài cá nhân. Anh Lê Chí B không thấy A mang xe về trả nên đã đến Công an xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tố cáo sự việc.

Quá trình điều tra phát hiện, khoảng 05 giờ 30 ngày 17/10/2020, anh Nguyễn Thanh Ph điều khiển xe mô tô hiệu SATRIA biển số 60C2-676.79 chở A về nhà, do không kịp giờ làm nên cho A mượn xe. Sau đó, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh Ph nên A tắt nguồn điện thoại nhằm để anh T và anh Ph không liên lạc được. A đã đến gặp Nguyễn Hoàng Th ngụ tại ấp A, xã TA, huyện LT để bán xe, anh Th đưa trước cho A 3.000.000đ và A đã tiêu xài hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 74/HĐ ĐG ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô hiệu VARIO biển số 69F1-587.61 có trị giá 40.000.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 94/HĐ ĐG ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA biển số 60C2-676.79 có trị giá 35.000.000đ.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra Công an huyện Long Thành, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định bị cáo Lê Thị Mỹ A đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tội danh và hình phạt hoàn toàn phù hợp với Điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố và viện dẫn tại Cáo trạng.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ, hiểu biết pháp luật, có khả năng nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Ngày 17/10/2020, anh Nguyễn Thanh Ph cho bị cáo mượn xe mô tô hiệu SATRIA biển số 60C2-676.79 để về nhà và hẹn buổi chiều đến đón anh Ph nhưng sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt nên bị cáo mang xe bán cho anh Nguyễn Hoàng Th. Ngày 04/5/2021, Lê Thị Mỹ A đến tiệm xăm hình của anh Thái chơi và mượn xe mô tô hiệu Vario biển số 69F1-587.61 của anh B để đi công việc. Sau đó, bị cáo A nảy sinh ý định chiếm đoạt nên không mang trả xe cho anh B mà tìm cách bán cho người đàn ông tên Bi (không rõ họ, địa chỉ) để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn làm giảm lòng tin giữa con người với con người trong cuộc sống và làm mất tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Theo các kết luận định giá số 74/HĐ ĐG ngày 02/7/2021 và số 94/HĐ ĐG ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành thì 01 xe mô tô hiệu VARIO biển số 69F1-587.61 có trị giá 40.000.000đ; 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA biển số 60C2-676.79 có trị giá 35.000.000đ. Tổng số tài sản bị cáo Lê Thị Mỹ A chiếm đoạt trị giá 75.000.000đ nên bị cáo đã phạm

vào tình tiết tăng nặng định khung trách nhiệm hình sự “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, do bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị trên mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, cũng cần xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi (bị cáo không có chồng). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với anh Nguyễn Trọng L là người môi giới giúp A tiêu thụ xe mô tô biển số 69F1-587.61, nhưng L khai không biết xe do A phạm tội mà có, ngoài lời khai của A thì không còn chứng cứ gì khác. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không khởi tố L là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên Bi có hành vi mua xe mô tô biển số 69F1-587.61 nhưng không xác định được họ, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Hoàng Th mua xe mô tô biển số 60C2-676.79 nhưng Th khai không biết xe do A phạm tội mà có và đã chủ động giao nộp lại cho Công an xã An Phước trước khi bị phát hiện. Ngoài lời khai của A thì không còn chứng cứ nào khác nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không khởi tố là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Thanh Ph đã nhận lại xe mô tô biển số 60C2-676.79 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Anh Nguyễn Hoàng Th là người đã mua xe mô tô biển số 60C2-676.79 của bị cáo, đã trả cho bị cáo 3.000.000đ nhưng không yêu cầu bị cáo bồi hoàn nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tuy nhiên, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền 3.000.000đ thu lợi bất chính.

- Anh Lê Chí B yêu cầu bị cáo bồi thường 40.000.000đ là giá trị xe mô tô hiệu Vario biển số 69F1 – 587.61. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý bồi thường

cho anh B số tiền 40.000.000đ. Việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Anh Nguyễn Trọng L là người đã giới thiệu An bán xe cho tên Bì và được An cho 500.000đ. Quá trình điều tra, anh L tự nguyện nộp lại 500.000đ. Đây là số tiền do bị cáo An phạm tội mà có nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về tính hợp pháp của các quyết định, hành vi tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Mỹ A phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Điều 584, 585, 586, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Mỹ A phải bồi thường cho anh Lê Chí B số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ do anh Nguyễn Trọng L giao nộp là tiền bị cáo An phạm tội mà có.

- Buộc bị cáo Lê Thị Mỹ A nộp lại 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

(Theo Giấy nộp tiền mặt ngày 01/8/2022 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Đông Đông Nai cho người thụ hưởng là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành).

Về án phí: bị cáo Lê Thị Mỹ A phải chịu 200.000đ án phí HSST và 2.000.000đ án phí DSST.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, anh B, anh Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THA DS H. Long Thành;
- Bộ phận HS nghiệp vụ CAH. Long Thành;
- Bị cáo, DS;
- Lưu HS, VP.

**Nguyễn Đình Trung**